TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2024/DS-ST
Ngày: 17 - 5- 2024
"V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Danh

Ông Lâm Ngọc Hà

- **Thư ký phiêntòa:** Bà Đặng Tú Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa**: Bà Huỳnh Mộng Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2023/TLST-DS, ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng* góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên* đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

- *Bị* đơn: Bà Nguyễn Thị H1 sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng**.**

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liê quan:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng**.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 10 năm 2023; biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2024; cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H có tham gia 02 dây hụi mùa do bà Nguyễn Thị H1 làm chủ hụi.

Dây thứ 1: Mở ngày 30/01/2018, có 20 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, bà H tham gia một phần 1, đóng hụi sống được 14 lần x 5.000.000 đồng = 70.000.000 đồng, trừ 4.000.000 đồng bà H thiếu bà H1 trước đó nên còn 66.000.000 đồng

Dây thứ 2: Mở ngày 15/01/2021, có 19 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, bà H tham gia một phần 1, đóng hụi sống được 5 lần x 5.000.000 đồng = 25.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hụi mùa bà H1 nợ 91.000.000 đồng (Chín mươi mốt triệu đồng). Đến ngày 30/10/2023, bà H1 viết giấy nợ 66.000.000 đồng và còn lần chết hụi 5 triệu chưa tính.

Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H1 trả số tiền hụi 91.000.000 đồng (Chín mươi mốt triệu đồng).

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên cho rằng HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án, đảm bảo về thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng tại phiên tòa theo quy định BLTTDS năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà b bị đơn bà Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền hụi: 91.000.000 đồng (Chín mươi mốt triệu đồng**).**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn T, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bà H1,ông C, ông T đều vắng mặt; nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các ông, bà nêu trên.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 27/10/2023 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H1 trả tiền hụi: 91.000.000 đồng (Chín mươi mốt triệu), nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

[3] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H1 trả tiền hụi: 91.000.000 đồng (Chín mươi mốt triệu đồng)

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà H yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 trả số tiền hụi: 91.000.000 đồng (Chín mươi mốt triệu đồng) là có cơ sơ. Vì bà H chứng minh được có tham gia 02 dây hụi mùa nêu trên, do bà H1 làm chủ hụi và đến ngày 30/10/2023 bà H1 viết giấy nợ số tiền 66.000.000 đồng, Còn lần chết hụi 5.000.000 đồng chưa tính (5 lần x 5.000.000 đồng = 25.000.000 đồng). Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2024, bà H xác định kiện bà H1 và chỉ yêu cầu bà H1 trả số tiền hụi 91.000.000 đồng, chứ không có yêu cầu ông C, ông T (con bà H1) cùng trả số tiền hụi nêu trên, nên Hội

đồng xét xử buộc bà H1 có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền hụi 91.000.000 đồng là có cơ sở.

[5] Từ những nhận định, phân tích trên, Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu của bà Nguyễn Thị H là có cơ sở chấp nhận. Do đó áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bà Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị H số tiền hụi: 91.000.000 đồng (Chín mươi mốt triệu đồng) là có căn cứ.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 4.550.000 đồng của số tiền (91.000.000đ x 5% = 4.550.000 đồng)

Bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi, căn cứ Điểm đ, khoản 1, Điều 12, NQ 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; bà H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên không phải hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự *sơ thẩm.*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015

- Áp dụng: Điều 18 Nghị Định 19/NĐ- CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị H kiện bà Nguyễn Thị H1 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

2. Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền hụi: 91.000.000 đồng (Chín mươi mốt triệu).

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 4.550.000 đồng của số tiền (91.000.000đ x 5% = 4.550.000 đồng)

Bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi, căn cứ Điểm đ, khoản 1, Điều 12, NQ 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; bà H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên không phải hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn Thị H1 còn phải trả lãi cho bà Nguyễn Thị H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sư năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi **nhận:**
- Các đương **sự;**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ **sơ vụ án;**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ *TỌA* PHIÊN TÒA

Võ Văn Vinh